

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HS-ST

Ngày 09 - 5 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Trọng Lâm.

Ông Lại Đức Lợi.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:13/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đàm Quang K, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1980 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khối Y, phường V T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: khối 11, đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Quang Th, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 489/2006/HSST ngày 28/11/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt Đàm Quang K phạt tiền 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, thi hành xong bản án ngày 05/6/2011; bị tạm giữ từ ngày 24/11/2017 đến ngày 27/11/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Phạm Văn T, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1988 tại Hải Phòng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ X, phường N, quận L, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 99/2014/HSST ngày 25/6/2014 Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt Phạm Văn T 04 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, ngày 01/12/2016 Phạm Văn Tiền được đặc xá tha tù trước thời hạn theo quyết định đặc xá tha tù số 2230/2016/QĐ-CTN ngày 17/10/2016; bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Quang K:* Ông Phạm Văn Hoàng, Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Bình thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:* Ông Phạm Hữu Lâm, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989; nơi cư trú: khối Y, phường V T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt)

+ Chị Đào Thị Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Th, Thành phố Hải Phòng. (có mặt)

+ Anh Phùng Văn L, sinh năm 1988; nơi cư trú: ngõ V, đường T, tổ 18, phường L, quận K, Thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984; nơi cư trú: số nhà B, đường N, tổ 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

+ Chị Phạm Thị M, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn A, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

+ Anh Lê Ngọc Tr, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: khối K, phường H, thị xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991; nơi cư trú: khối 10, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, tại khu vực Trạm thu phí Tân Đệ thuộc địa phận xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội

phạm về ma túy Bộ Công an bắt quả tang Đàm Quang K đang điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37C-268.26 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an đã đưa K và phương tiện về trụ sở Công an tỉnh Thái Bình để làm việc. Tại Cơ quan Công an tỉnh Thái Bình trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Đình T và chị Phạm Thị M, Cơ quan Công an kiểm tra người K thu tại túi áo khoác bên trái của K đang mặc có 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 02 túi nilon màu xanh trong đó một túi có các sợi dạng thảo dược khô, Kiên khai là cần sa ký hiệu M1, 01 túi nilon trong suốt bên trong có 07 viên nén hình chữ nhật màu cam ký hiệu M2, K khai là ma túy tổng hợp. Thu tại túi quần bên phải Kiên đang mặc có số tiền 12.735.000 đồng. Kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 37C-268.26 do K điều khiển thu tại hộp để đồ phía trước bên ghế phụ xe ô tô 01 gói kích thước (15x20x10 cm) bên ngoài có lớp nilon trong suốt, trong là lớp nilon màu vàng có chữ nước ngoài, trong có chứa cục tinh thể trong suốt ký hiệu M3, K khai là ma túy đá Kiên mang từ Nghệ An ra Hải Phòng để giao cho bạn là Phạm Văn T bán để kiếm lời, hiện T đang chờ đón K trên địa bàn Thái Bình để đưa K về Hải Phòng. Thu trong hộp cạnh ghế lái có 01 ví màu đen trong có số tiền 1.420.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung màu đen đã cũ, 01 điện thoại Nokia vỏ màu xám đã cũ, 01 ví màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Đàm Quang K, đăng ký xe ô tô 37C-268.26 mang tên Đàm Quang K, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy lưu hành của xe ô tô 37C-268.26. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và quản lý, niêm phong số vật chứng thu trên.

Căn cứ vào lời khai của Đàm Quang K và mô tả đặc điểm về người tên là T, Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh nhanh, đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 24/11/2017 đã phát hiện Phạm Văn T cùng bạn là anh Phùng Văn L đang đi trên xe taxi hãng Mai Linh đến nhà nghỉ Trà My, phường Phúc Khánh, thành phố Thái Bình. Cơ quan Công an đã yêu cầu Tiền và anh L về trụ sở để làm việc. Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng, 01 điện thoại di động Iphone 5 vỏ màu đen, 01 ví màu đen, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T và 42.500.000 đồng. Thu giữ của anh L 01 điện thoại Nokia.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Quang K tại số nhà 01, hẻm 4, ngõ 63, đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Qua khám xét, thu giữ 01 vỏ chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng cam đựng 02 lọ được gắn một ống thủy tinh và một ống bằng nhựa, 01 bình thủy tinh có 02 ống dẫn.

Do Phạm Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 27, phường nGhĩa Xá, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, nhưng hiện tại gia đình đã bán nhà, T thường lang thang không có chỗ ở cố định nên Cơ quan điều tra không thi hành được Lệnh khám xét chỗ ở đối với Phạm Văn T.

Quá trình điều tra, Đàm Quang K và Phạm Văn T khai nhận:

- Đàm Quang K khai: Do có quan hệ quen biết nhau, nên cách ngày 24/11/2017 khoảng 10 ngày khi Phạm Văn T đi lễ hội tại Nghệ An đã vào nhà Đàm Quang K chơi.

Tại nhà K, K và T đã sử dụng ma túy đá, sau đó K có hỏi T là ma túy đá ở Hải Phòng có sẵn không? Giá bán thế nào? Tiền trả lời ở Hải Phòng có bán nhiều ma túy đá, nhưng giá khoảng 34 đến 35 triệu/lạng, K bảo với T về Hải Phòng tìm người mua còn K sẽ mang ma túy ra Hải Phòng để cùng T bán kiếm lời. T đồng ý với K. Buổi chiều ngày 22/11/2017, T gọi điện từ số thuê bao 01697685879 đến số điện thoại 0943467265 của K, T hỏi K đã mua được ma túy để mang ra Hải Phòng bán chưa, T còn tìm khách bán? Do chưa mua được ma túy nên Knói khi nào có ma túy K sẽ mang ra và điện cho T đón K, ngày 23/4/2017 K và T còn nhắn tin cho nhau nội dung về việc mua ma túy để bán. Chiều ngày 23/11/2017, K đi xe ô tô của gia đình biển kiểm soát 37C-268.26 đến thị trấn của huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An gặp và mua của một người đàn ông tên là Thịnh khoảng 40 tuổi không biết địa chỉ 01 gói ma túy đá khoảng 01 kg với giá 280.000.000 đồng. K trả trước cho Thịnh 100.000.000 đồng và nợ lại 180.000.000 đồng, Thịnh đồng ý cho K nợ lại số tiền trên. Sau khi mua được ma túy đá của Thịnh, K điện thoại báo cho T là đã có ma túy đá và bảo T là K bắt đầu đi từ Nghệ An mang ma túy ra Hải Phòng để bán, K bảo T sang Ninh Bình đón K vì K không biết đường, T đồng ý và nói cứ khi nào K đi đến Nam Định thì T sẽ đón. Ngoài ra K còn mua của một người đàn ông ở khu vực cổng bến xe Vinh 01 gói lá cần sa và 07 viên ma túy tổng hợp để mang ra Hải Phòng chào hàng, ai mua sẽ bán. K một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37C- 268.26 đi từ Nghệ An ra Hải Phòng, trên đường đi T vẫn liên lạc hỏi K nhiều lần hỏi K đi đến đâu để T còn đón. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, khi K đi đến khu vực Trạm thu phí Tân Đệ thuộc xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thì bị lực lượng Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt giữ. Khi K đang bị cơ quan Công an bắt giữ, Phạm Văn T vẫn liên lạc để gặp đón K, K hẹn gặp T ở khu vực khách sạn Trà My thuộc phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình.

Phạm Văn T khai nhận: Do đã thỏa thuận với K từ trước là K sẽ mang ma túy từ Nghệ An ra Hải Phòng cho T để T tìm người ở Hải Phòng bán kiếm lời. Khoảng 20 giờ ngày 23/11/2017, sau khi K mua được ma túy đã gọi điện cho T nội dung K đã mua được ma túy đang trên đường mang ra Hải Phòng và hẹn T đón K ở tỉnh Ninh Bình. T trả lời đón K ở tỉnh Ninh Bình thì xa quá nên hẹn đón K tại Nam Định. Sau đó T rủ bạn là anh Phùng Văn L bắt xe taxi đi Thái Bình đón K, T không nói cho anh L biết về việc K đem ma túy ra Hải Phòng cho T bán. Trong quá trình đi đón K do L dùng điện thoại của T để chơi điện tử nên T đã lấy điện thoại Nokia của L gọi điện và nhắn tin cho K để đón K. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/4/2017 T và L đi đến địa phận Tân Đệ thuộc xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, T gọi điện cho K mới biết K mới đi đến địa phận tỉnh Thanh Hóa, thấy vậy Tiền bảo taxi quay lại thành phố Thái Bình thuê phòng nghỉ chờ K. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, T và anh L gọi xe taxi đi ra khu vực Trạm thu phí cầu Tân Đệ đón K nhưng không gặp. T gọi điện hỏi K đi đến đâu để ra đón (lúc này K đã bị Công an bắt giữ), K hẹn T đến khách sạn Trà My thuộc phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình và Tra khu vực hẹn với K thì bị lực lượng Công an yêu cầu về trụ sở để làm việc.

- Tại Bản kết luận giám định số 458/KLGD-PC54 ngày 24/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình về số tang vật thu giữ của Đàm Quang K kết luận: “M1 gửi giám định là ma túy, loại Cần sa, có trọng lượng 5,9791 gam; M2

gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có trọng lượng 1,3464 gam; M3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 936,7730 gam”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Quang K và Phạm Văn T, những người bào chữa cho các bị cáo không ai có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra, xác định anh Phùng Văn L người đi cùng Phạm Văn T từ Hải Phòng sang Thái Bình để đón Đàm Quang K, anh L chỉ được T rủ đi đón K chứ không biết việc T đón K mục đích mang ma túy về Hải Phòng để bán. Do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh Phùng Văn L.

Về nguồn gốc 5,9791 gam Cần sa và 1,3464 gam ma túy MDMA, K khai mua của một người đàn ông tại cổng bến xe Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã Quyết định ủy thác cho Công an tỉnh Nghệ An xác minh, kết quả Công an tỉnh Nghệ An không đủ thông tin để xác minh đối tượng trên.

Về nguồn gốc 936,7730 gam Methamphetamine mà Cơ quan Công an thu giữ của K, K khai mua của một người đàn ông tên Thịnh người dân tộc Thái khoảng 40 tuổi ở khu vực thị trấn huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã Quyết định ủy thác điều tra cho Công an huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An tiến hành xác minh người đàn ông tên Thịnh như Kiên mô tả. Kết quả Công an huyện Quế Phong xác định tại thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong không có đối tượng nào tên Thịnh như K mô tả.

Cáo trạng số 15/CT-VKSTB ngày 30/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Đàm Quang K và Phạm Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Quang K và Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đàm Quang K và Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với K; áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với T; xử phạt các bị cáo K, T mỗi bị cáo mức án 20 năm tù; phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngoài ra, còn đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đàm Quang K phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên truy tố bị cáo K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc khi bị bắt đã tích cực phối hợp với cơ quan Công an để bắt giữ đồng phạm trong cùng vụ án; trước khi bị bắt đã tích cực hợp tác

với Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 2 Bộ tư lệnh Cảnh sát biển để bắt giữ đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; mẹ bị cáo là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bị cáo đang nuôi dưỡng bà ngoại là mẹ liệt sỹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo K dưới khung hình phạt của khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T chỉ có vai trò là người giúp sức, sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Trong phần tranh luận các bị cáo không bổ sung thêm lời bào chữa của người bào chữa, không tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa và các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Đàm Quang K, Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Văn L (bút lục số 183 - 200); phù hợp với lời khai của những người làm chứng là anh Lê Ngọc Tr (bút lục số 211-215), anh Nguyễn Đình T (bút lục số 201-205) và chị Phạm Thị M (bút lục số 206 -210). Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các biên bản niêm phong vật chứng do Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 24/11/2017 (bút lục số 31-34, 51-52); các biên bản quản lý tài sản, biên bản quản lý và kiểm tra xe ô tô ngày 24/11/2017 (bút lục số 35-39); các biên bản kiểm tra điện thoại (bút lục số 40-44); bản kết luận giám định số 458/KLGĐ-PC54 ngày 24/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số

54), cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: Hồi 03 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, tại khu vực Trạm thu phí Tân Độ thuộc địa phận xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Đàm Quang K có hành vi tàng trữ 5,9791 gam ma túy loại Cần sa, 1,3464 gam ma túy loại MDMA và 936,7730 gam Methamphetamine với mục đích đem về Hải Phòng để cùng với Phạm Văn T bán kiếm lời thì bị Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Đàm Quang K, Phạm Văn T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã bị Tòa án kết án, trong đó bị cáo Tiền chưa được xóa án tích, nhưng các bị cáo không chịu cải tạo, tu dưỡng bản thân tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới gieo rắc cái chết trắng cho đồng loại thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, bị cáo Đàm Quang K là người khởi xướng, trực tiếp đi mua ma túy mang ra Hải Phòng để cùng với bị cáo T tìm người bán kiếm lời nên giữ vai trò chính trong vụ án, còn bị cáo Phạm Văn T khi được bị cáo K khởi xướng việc mang ma túy ra Hải Phòng bán đã đồng ý hứa hẹn sẽ tìm người mua, đón dẫn đường cho K mang ma túy ra Hải Phòng nên có vai trò thứ hai trong vụ án với vai trò là người giúp sức.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Đối với bị cáo Đàm Quang K: Bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 2 - Bộ tư lệnh Cảnh sát biển đã có văn bản số 85/MT2 ngày 07/02/2017 với nội dung trước khi bị bắt, Đàm Quang K đã nhiều lần cung cấp thông tin có giá trị về tình hình ma túy trong và ngoài địa bàn tỉnh Nghệ An, với sự giúp đỡ của K, ngày 08/10/2017 Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 2 đã phá thành công chuyên án, bắt giữ đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi bị bắt, K đã tích cực phối hợp với cơ quan Công an để bắt giữ đồng phạm trong cùng vụ án; bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; mẹ bị cáo là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bị cáo đang nuôi bà ngoại là mẹ liệt sỹ. Vì vậy, bị cáo K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.2] Đối với bị cáo Phạm Văn T: Năm 2014 bị cáo Tiền bị kết án 04 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong bản án ngày 17/10/2016, chưa được xóa án tích bị cáo

lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng đối với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo, ngoài hình phạt chính, cũng cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Xét thấy, đối với các chất ma túy thu giữ của bị cáo Đàm Quang K hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy 01 chai vỏ nhựa màu trắng nắp màu vàng đục 02 lỗ có gắn với một ống nhựa và một ống thủy tinh, 01 bình thủy tinh thu giữ khi khám xét chỗ ở của Đàm Quang K. Trả lại Đàm Quang K 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe và 01 hộ chiếu mang tên Đàm Quang K. Đối với 02 chiếc điện thoại di động Samsung, Nokia thu giữ của K là phương tiện K liên lạc với T để bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 14.155.000 đồng thu giữ của bị cáo K, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6.2] Đối với chiếc điện thoại OPPO thu giữ của bị cáo Phạm Văn T là phương tiện T liên lạc với K để bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Trả lại cho bị cáo Tiền 01 ví da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T. Đối với số tiền 10.500.000 đồng và 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6.3] Đối với chiếc điện thoại Nokia thu giữ của anh Phùng Văn L, xét thấy khi anh L cho bị cáo T sử dụng điện thoại của mình thì không biết T đã dùng để liên lạc với K thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải trả lại cho anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.4] Xét thấy, chiếc ô tô biển kiểm soát 37C-268.26 quản lý của bị cáo K cùng các giấy tờ liên quan, qua điều tra xác định là tài sản chung của K và vợ là chị Nguyễn Thị Ng, đăng ký tên Đàm Quang K, mục đích gia đình K mua xe ô tô để phục vụ việc kinh doanh bán hàng, khi K lấy xe đi để vận chuyển ma túy đi bán thì chị Ng không biết. Vì vậy, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Ng chiếc xe ô tô và các giấy tờ có liên quan đến chiếc xe là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6.5] Xét thấy, qua điều tra xác định trong số tiền thu giữ của bị cáo T có 32.000.000 đồng là tiền của chị Đào Thị Th là bạn gái của T, chị Th đưa tiền cho T

để chuẩn bị mua sắm đồ cưới. Vì vậy, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Th số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đàm Quang K, Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt:

2.1 - Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Đàm Quang K 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 24/11/2017.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đàm Quang K 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2 - Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 24/11/2017.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 4,7463 gam Cần sa; 0,9576 gam MDMA và 932,1558 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo Đàm Quang K hoàn lại sau giám định trong bao niêm phong số 458/KLGD; 01 chai vỏ nhựa màu trắng nắp màu vàng đục 02 lỗ có gắn với một ống nhựa và một ống thủy tinh, 01 bình thủy tinh thu giữ khi khám xét chỗ ở của Đàm Quang K.

- Trả lại bị cáo Đàm Quang K 02 chiếc ví, 01 giấy phép lái xe và 01 hộ chiếu mang tên Đàm Quang K. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 ví da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản sau: 01 điện thoại di động Samsung, 01 điện thoại Nokia màu xám thu giữ của bị cáo Đàm Quang K; 01 điện thoại OPPO thu giữ của bị cáo Phạm Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Quang K số tiền 14.155.000 đồng; trả lại cho bị cáo Phạm Văn T số tiền 10.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone nhưng tiếp tục

quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại anh Phùng Văn L 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen.

- Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình: Đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng chiếc ô tô biển kiểm soát 37C-268.26 cùng đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy lưu hành của xe ô tô 37C-26826; đã trả lại cho chị Đào Thị Th số tiền 32.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Đàm Quang K, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đàm Quang K, Phạm Văn T; chị Nguyễn Thị Ng, chị Đào Thị Th có mặt tại phiên tòa - có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/5/2018; anh Phùng Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Những người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hà